

Tên:

Nghe:

Lớp: S2...

Ngày làm bài: Thứ..., ngày.../....



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Vocabulary 1 & Movers Listening

Mẹo: Phân tích hình ảnh (Picture Analysis)

👉 Trước khi nghe câu hỏi hoặc bài nghe, hãy nhìn kỹ hình ảnh đi kèm. Tập trung vào các chi tiết như:

- **Nhân vật:** Ai trong hình? Họ đang làm gì?
- **Địa điểm:** Hình ảnh xuất hiện ở đâu? Bên cạnh cái gì?
- **Thời gian:** Có thể xác định được thời gian không? (Ví dụ: sáng, chiều, mùa xuân, mùa hè)
- **Hành động:** Họ đang làm gì trong bức tranh? (Ví dụ: ăn, chơi thể thao, học bài)

Điều này sẽ giúp con hình dung bối cảnh và dễ dàng hiểu được nội dung bài nghe khi nghe sau đó.



Ví dụ:

Trước khi nghe, con hãy nhìn thật kỹ bức tranh:

👉 Audio:

BOY: "Here's a picture of the farm that we went to on our school trip, Mum."

WOMAN: "It's great! Who's that person? The man who's coming out of the field?"

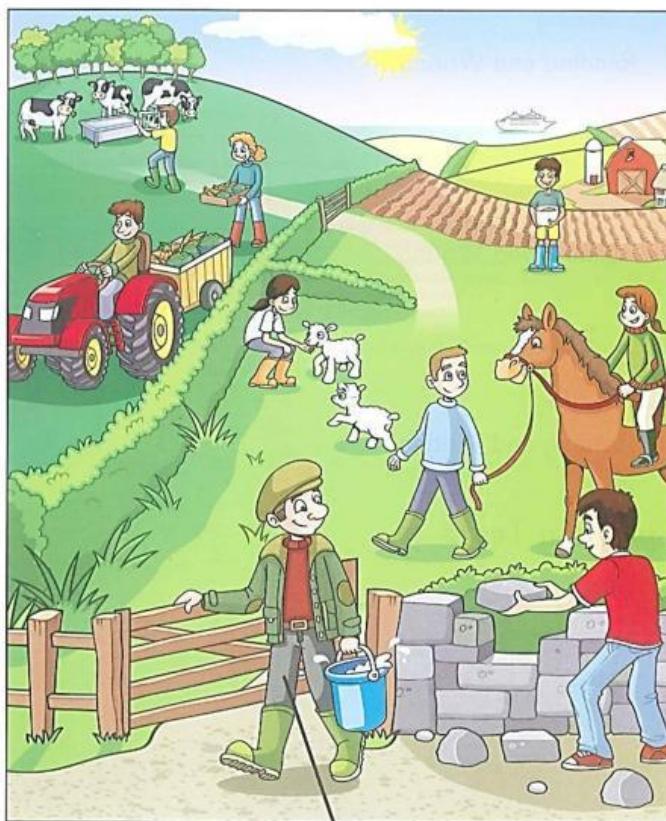
BOY: "With the water? That's Paul. He's the farmer's son."

WOMAN: "Oh! He looks busy!"

BOY: "He was!"

- **Nhân vật:** Paul – con trai của bác nông dân, đang đi ra khỏi cánh đồng và cầm xô nước.
- **Địa điểm:** Trên cánh đồng, gần chỗ có nước.

→ Chi tiết nổi bật: Paul = đi ra từ cánh đồng + có nước bên cạnh → dễ nhận ra Paul trong tranh.



Paul

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	field (n)	cánh đồng	3	feed (v)	cho ăn, nuôi
2	huge (adj)	khổng lồ	4	carry (v)	mang, vác, xách

*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi.

Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-1_part-1

Listening

Part 1 – 5 questions –

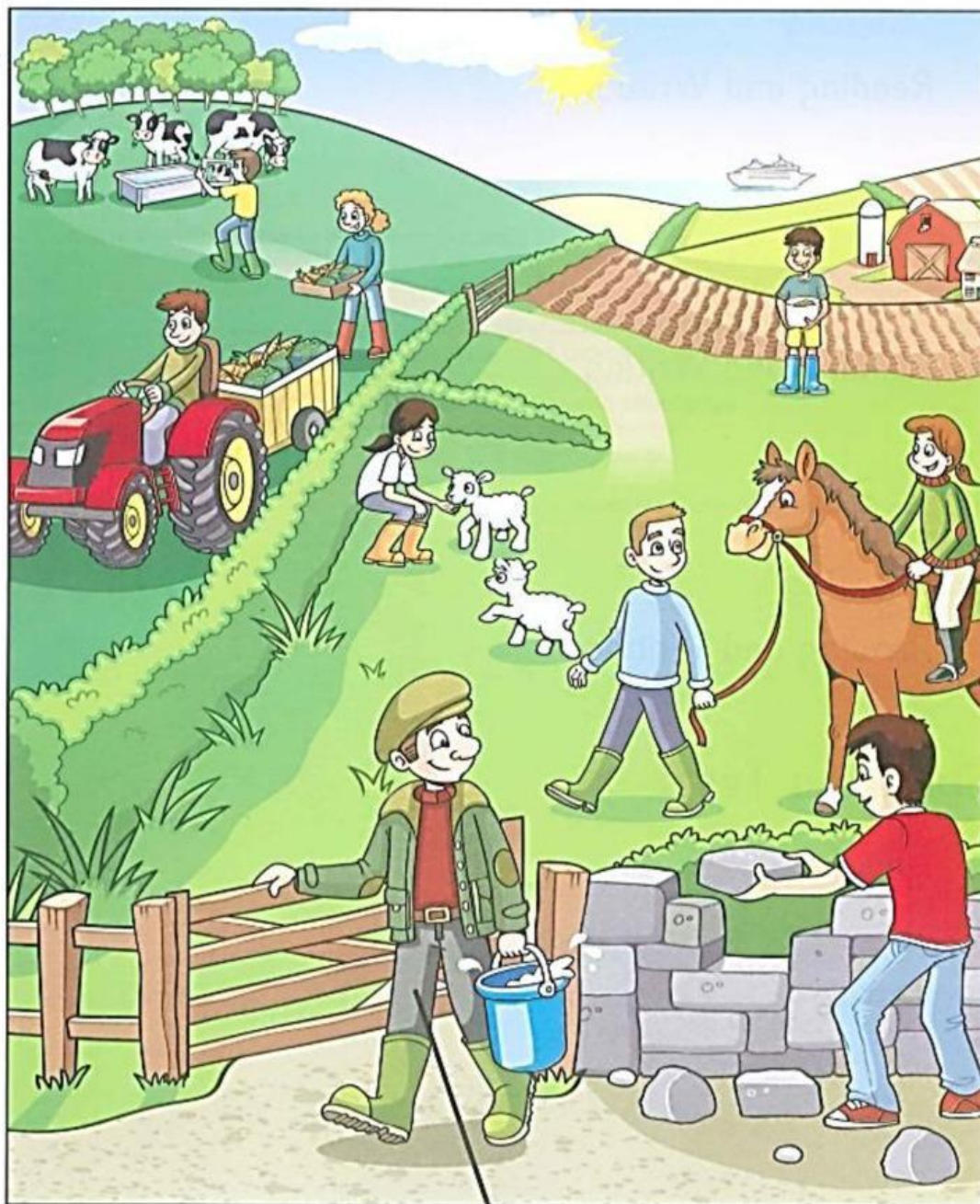
Listen and draw lines. There is one example.

Fred

Jack

Clare

Zoe



Peter

Paul

Julia

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S2...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../.../...

Mini test:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../.../...



GLOBAL ENGLISH 2

Unit 2: Good neighbours - Vocabulary 1 & Movers Listening

A. VOCABULARY

❖ Occupations (Nghề nghiệp)

			
window cleaner (n) người lau cửa sổ	police officer (n) cảnh sát	reporter (n) phóng viên	nurse (n) y tá
			
bus driver (n) người lái xe buýt	baker (n) thợ làm bánh	painter (n) họa sĩ/thợ sơn	sailor (n) thuyền thủ
			
clothes designer (n) nhà thiết kế quần áo	writer (n) nhà văn	actor (n) diễn viên	

❖ Extra vocabulary

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	mountain (n)	núi	3	weather (n)	thời tiết
2	hungry (adj)	đói bụng			

*Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 DÒNG vào vở ghi.

B. HOMEWORK

Exercise 1. Unscramble the letters. (Sắp xếp lại các chữ cái.)

0. NWIDOW CNLEARE	→ <u>WINDOW</u> <u>CLEANER</u>	1. RKEBA	→ B _____
2. RRORPETE	→ R _____	3. LOSIAR	→ S _____

4. SNUER

→ N _____

5. ATCOR

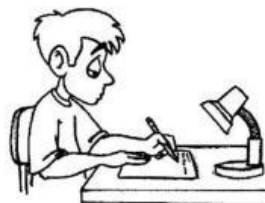
→ A _____

Exercise 2. Read the statements. Circle Yes or No. (Đọc câu và chọn đáp án Yes hoặc No.)



0. She is a teacher.

Yes No



3. He is a bus driver.

Yes No



1. She is a clothes designer.

Yes No



4. He is a reporter.

Yes No



2. She is a baker.

Yes No



5. He is a police officer.

Yes No

Exercise 3. Circle the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng.)

0. Kelly works in a hospital. She is a **reporter** / nurse.1. Adam works in a school. He is a **teacher** / farmer.2. Justin cleans windows. He is a **police officer** / window cleaner.3. Rose works with cameras. She is a **doctor** / reporter.4. Niall works on a bus. He is a **bus driver** / singer.5. George catches bad people. He is a **police officer** / nurse.

Exercise 4. Fill in the blanks with the words from the box.

(Điền vào chỗ trống với các từ đã cho trong bảng.)

<u>mine</u>	its	ours	Tom's	theirs	Mary's
-------------	-----	------	-------	--------	--------

0. My name is Anna. This book is mine.

1. This is my cat. The toy is _____.

2. That is _____ jacket. It is his.

3. This is _____ bike. It is hers.

4. This is our garden. The flowers are _____.

5. These books are for my friends. They are _____.

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-2_test-2_part-1

Listening

Part 1

– 5 questions –

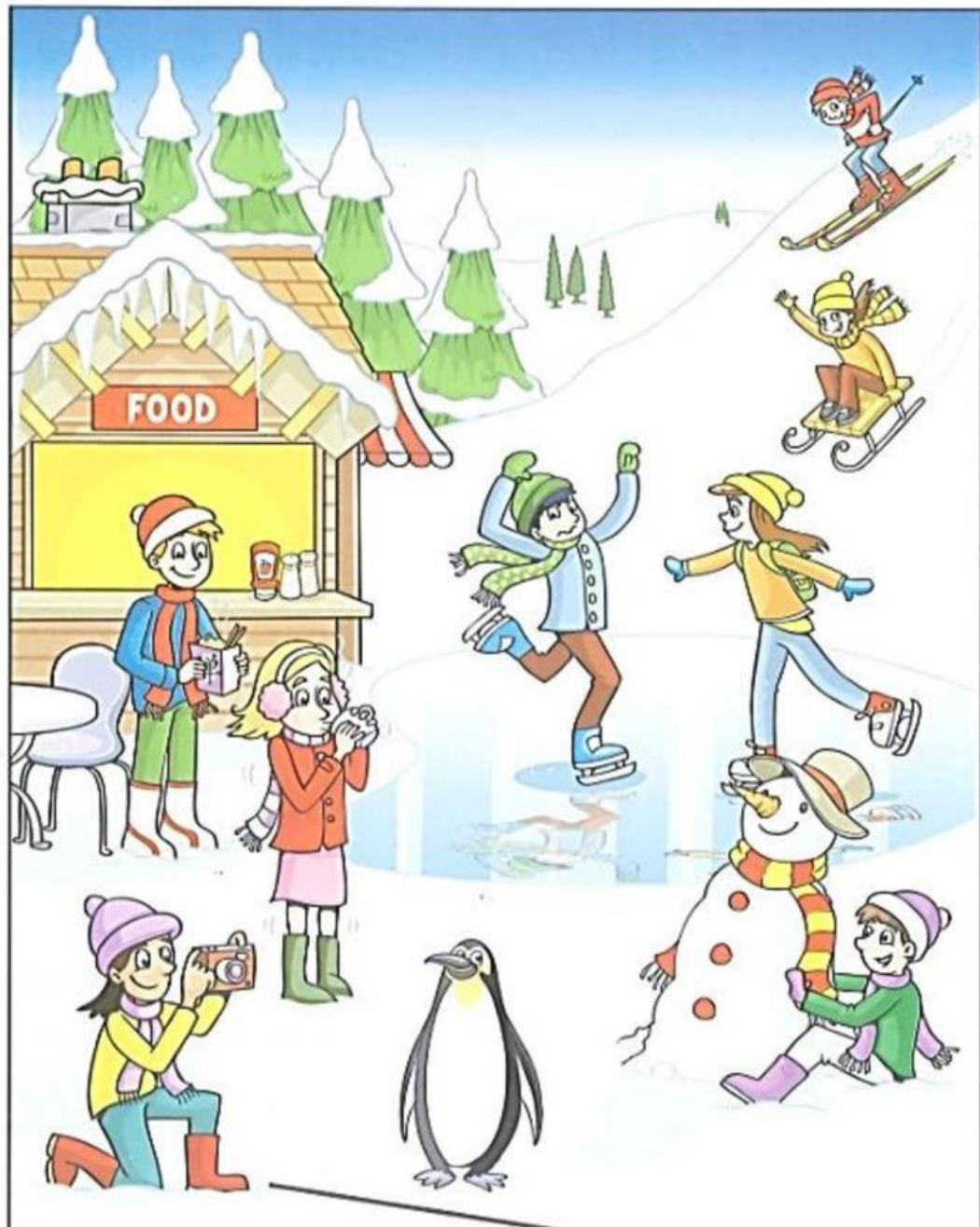
Listen and draw lines. There is one example.

Zoe

Paul

Clare

Jim



Charlie

Daisy

Julia